

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG THƯỢNG CÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND phường Thượng Cát)

I. CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

1. Chủ sử dụng đất: Ủy ban nhân dân phường Thượng Cát

- Địa chỉ thường: TDP Yên Nội, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội

- Địa chỉ nơi có đất GPMB: Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội

- Tổng diện tích đất bị thu hồi: 417,0 m²

+ Diện tích đất giao theo ND 64/CP là: 0,0 m²

+ Diện tích đất không giao hộ gia đình sử dụng ổn định trước 01/7/2004: 417,0 m²

2. Chủ sở hữu tài sản trên đất: Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nhân (Lợi)

- Địa chỉ: TDP Yên Nội, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI: HỘ GIA ĐÌNH ÔNG NGUYỄN VĂN NHÂN (LỢI)

Số TT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (Đồng)	TỈ LỆ (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Đã phê duyệt (đồng)	Điều chỉnh, bổ sung (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = ((7)-(8))	(10)
1	Bồi thường hỗ trợ về đất					84.067.200	84.067.200	0	
	Đất NN không giao hộ gia đình sử dụng trước 1/7/2004	m ²	417,0	201.600	100%	84.067.200	84.067.200	0	
2	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản					227.043.393	140.545.214	86.498.179	
2.1	Cây cối hoa màu					122.100.000	122.100.000	0	
	Cau vua: 0,25 m ≤ Φ gốc < 0,3 m	cây	407	300.000	100%	122.100.000	122.100.000	0	
2.2	Bồi thường, hỗ trợ về công trình.					104.943.393	18.445.214	86.498.179	Theo Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận Bắc Từ Liêm
-	Bê xây 110, trát trong: V=(2mx2mx2m)=8(m ³)								
	Khối lượng gạch xây: (2+1,8)*2*2*0,11+(2*2)*0,07=1,95(m ³)	m ³	1,95	1.315.288	100%	2.564.812	2.051.849	512.962	
	Khối lượng trát: (1,8+1,8)*2*2+1,8*1,8=17,64(m ²)	m ²	17,64	47.291	100%	834.213	667.371	166.843	
-	Bê xây 110, trát trong: V=(1,8mx1,2mx1,2m) = 2,6(m ³)								
	Khối lượng gạch xây: (1,8+1)*2*1,2*0,11+(1,8*1,2)*0,07=0,89(m ³)	m ³	0,89	1.315.288	100%	1.170.606	936.485	234.121	
	Khối lượng trát: (1,6+1)*1,2*2+1,6*1= 7,84(m ²)	m ²	7,84	47.291	100%	370.761	296.609	74.152	

8

Số TT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (Đồng)	TỈ LỆ (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Đã phê duyệt (đồng)	Điều chỉnh, bổ sung (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)-(8)	(10)
-	Giếng khoan sâu > 25m	giếng	2	3.209.000	100%	6.418.000	5.134.400	1.283.600	
-	Hàng rào lưới thép B40	m2	367,0	255.000	100%	93.585.000	9.358.500	84.226.500	
3	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng	m2	417,0	3.000	100%	0	0	0	Không hỗ trợ do hộ gia đình không bàn giao mặt bằng đúng tiền độ
Tổng cộng (1+2+3):						311.110.593	224.612.414	86.498.179	

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (1)+(2)+(3)

311.110.593 đồng

IV. Tổng số tiền phải nộp ngân sách:

0 đồng

V. Tổng số tiền BTHT & TĐC sau cân đối: (III-IV)

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

311.110.593 đồng

Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu, một trăm mười nghìn, năm trăm chín mươi ba đồng./.

Trong đó: - Tổng số tiền đã phê duyệt:

224.612.414 đồng

- Số tiền điều chỉnh, bổ sung:

86.498.179 đồng

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Tiến